TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Vương;
2. Ông Lê Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Trang Tr, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 113, tổ 5, ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đ *(vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh BT *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 08/11/2018 và bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị Trang Tr trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau từ năm 2012, do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến năm 2015 thì anh chị mới đăng ký kết hôn ở UBND xã T, huyện C, tỉnh Đ ngày 24/3/2015, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến khi chị sinh con thì anh P thường nói chị ăn bám không biết làm gì. Nên đến đầu năm 2018 chị có xin đi làm công nhân, chị cũng thường làm tăng ca nên anh P ghen tuông vô cớ nói chị đi theo trai, từ đó vợ chồng sinh ra mâu thuẫn cãi vã thường xuyên. Từ tháng 11/2018 thì vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, anh P bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống và cũng từ đó đến nay giữa chị và anh P cũng không có liên lạc gì. Do hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn chung sống với nhau đã lâu, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: chị Trâm xác định vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/4/2014, hiện tại cháu V và cháu T đang sống cùng với anh P. Chị Tr đồng ý giao cả hai cháu V và T cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Tr trình bày vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất gia đình chồng ở ấp G, xã A, huyện B, tỉnh BT và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất gia đình ba mẹ chị ở ấp 8, xã T, 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblack biển số 71C2 – 40148. Tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị Trang Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Bản tự khai.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BT, anh Nguyễn Thanh P trình bày: Anh thống nhất với chị Tr về quá trình hôn nhân, con chung và nợ chung. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh là do từ năm 2018 chị Tr có đi làm công nhân chị Tr có phát sinh mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Tr còn bỏ bê con cái không chăm sóc đi theo người đàn ông khác bỏ mặc các con cho ông bà ngoại, chị Tr không những không nhận sai mà còn cùng với gia đình bên vợ xua đuổi anh nên từ cuối năm 2018 anh đưa các con về sống cùng ba mẹ anh tại ấp G, xã A, huyện B, tỉnh BT cho đến nay. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn. Anh đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ giải quyết vụ án.

- Về con chung: Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là hai cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2014, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh P xác định vợ chồng có 01 ngôi ngà cấp 4 xây dựng trên đất ba mẹ vợ tại ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đ có trị giá 100.000.000 đồng và các vật dụng trong gia đình như tivi, máy giặt, tủ lạnh… tổng trị giá khoảng 15.000.000 đồng, anh P yêu cầu được chia ½ tổng giá trị tài sản trên

- Về nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh P vắng mặt lần thứ hai và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: không.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh tại Công an xã T; Kết quả thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BT.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án còn chưa giao 1 số văn bản cho đương sự theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Tr ly hôn với anh P; về con chung: giao cháu cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2014 cho anh P trực tiếp

nuôi dưỡng; tạm thời không buộc chị Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; chị Tr chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Ngô Thị Trang Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thanh P và yêu cầu nuôi con, nên đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Trang Tr có nơi cư trú tại: Ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đ. Bị đơn anh Nguyễn Thanh P có nơi cư trú tại: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh BT theo biên bản xác minh 30/7/2019 (BL 24), tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh P đồng ý lựa chon Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ nơi nguyên đơn đang cư trú giải quyết vụ án; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập cho anh P nhưng anh P cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, khi thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa, thì Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản cho anh P. Ngày 02/01/2020, Tòa án đã đưa vụ án trên ra xét xử nhưng hoãn phiên tòa vì do anh P vắng mặt lần thứ nhất. Ngày 07/10/2019, nguyên đơn chị Ngô Thị Trang Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS, tại phiên tòa hôm nay, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Chị Tr và anh P chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung từ năm 2012 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ngày 08/11/2018 chị Tr xin ly hôn. Vì vậy áp dụng Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết tranh chấp ly hôn cho anh chị là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị Trang Tr và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 24/03/2015 (BL 01), nên hôn nhân giữa chị Tr và anh P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Trang Tr và lời trình bày của anh Nguyễn Thanh P nhận thấy: Chị Tr và anh P là không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, cả chị Tr và anh P đều không mong muốn hòa giải đoàn tụ để hàn gắn với nhau. Vì vậy, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh P đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Tr và anh P cùng thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định cho chị Ngô Thị Trang Tr và anh Nguyễn Thanh P ly hôn là phù hợp.

- Về yêu cầu quyền được trực tiếp nuôi con chung: chị Tr yêu cầu giao cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/4/2014 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và anh P cũng có yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng hai cháu vì 2 cháu hiện đang sống cùng với anh. Xét thấy: bản thân anh P cũng có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định, anh chị cũng thống nhất về con chung, do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/4/2014 cho anh Phong tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của hai cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không yêu cầu chị Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và chị Tr cũng không cấp dưỡng, nên tạm thời không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Tr.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Xét thấy chị Ngô Thị Trang Tr không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Còn đối với yêu cầu chia tài sản chung theo như anh P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019 yêu cầu được chia đôi khối tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh làm đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh không thực hiện và không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản chung, dành quyền khởi kiện cho anh P về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn trong một vụ án khác.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và cũng không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị Tr phải chịu án phí sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của BLTTDS; Điều 131 của Luật HN&GĐ năm 2014; các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GĐ năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Trang Tr ly hôn anh Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/4/2014 cho anh Nguyễn Thanh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời không đặt ra xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Ngô Thị Trang Tr.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

4. Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Trang Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã

nộp tại biên lai thu tiền số 004698 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị Tr đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Tường Vy